ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ

DANH SÁCH THU HỌC PHÍ HỌC KỲ 2/2024-2025

CÁC CTĐT BẬC ĐẠI HỌC

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25					Chưa nộp tính đến 27.5	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)	Đề nghị ngày 27/5
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	QĐ điều chỉnh ngày 12/5	Tổng			
1	20020075	Dương Đình Ngọc Bách	0		13.600.000			13.600.000	13.600.000		Cấm thi
2	20020120	Nguyễn Trí Minh Tuấn	0		11.700.000			11.700.000	11.700.000		Cấm thi
3	20020155	Ngô Văn Minh Thắng	0		8.000.000			8.000.000	8.000.000		Cấm thi
4	20020199	Nguyễn Duy Khương	0		8.550.000			8.550.000	8.550.000		Cấm thi
5	20020419	Nguyễn Quốc Huy	0		1.350.000			1.350.000	1.350.000		Cấm thi
6	20020463	Nguyễn Xuân Quang	0		3.600.000			3.600.000	3.600.000		Cấm thi
7	20020526	Nguyễn Vũ Minh Hiếu	0		9.450.000			9.450.000	9.450.000		Cấm thi
8	20020530	Đinh Duy Hùng	72.000		5.850.000			5.850.000	5.922.000	Nợ lẻ	Cấm thi
9	20020534	Lê Duy Khánh	0		1.350.000			1.350.000	1.350.000		Cấm thi
10	20020563	Nguyễn Bá Trung	0		1.350.000			1.350.000	1.350.000		Cấm thi
11	20020650	Nguyễn Đình Đức	0		7.650.000			7.650.000	7.650.000		Cấm thi
12	20020792	Trần Minh Hoàng	0		2.250.000			2.250.000	2.250.000		Cấm thi
13	20020805	Ngô Văn Khải	0		5.400.000			5.400.000	5.400.000		Cấm thi
14	20020897	Hà Hữu Hiếu	0		5.400.000			5.400.000	5.400.000		Cấm thi
15	20020972	Nguyễn Văn Dũng	0		5.400.000			5.400.000	5.400.000		Cấm thi
16	20020980	Nguyễn Văn Đạt	98.000		3.600.000		0	3.600.000	1.698.000	Nợ K1/24-25	Cấm thi
17	20020999	Nguyễn Phương Huế	0		2.250.000			2.250.000	2.250.000		Cấm thi
18	20021023	Võ Phương Nam	0		5.850.000		3.600.000	9.450.000	9.450.000		Cấm thi
19	20021054	Nguyễn Trọng Thái	0		2.700.000			2.700.000	2.700.000		Cấm thi
20	20021063	Lê Văn Thưởng	0		6.750.000			6.750.000	6.750.000		Cấm thi
21	20021066	Cao Cự Toàn	10.638.000		11.700.000		0	11.700.000	22.338.000	Nợ K1/24-25	Cấm thi
22	20021116	Đặng Tiến Đông	0		11.200.000			11.200.000	11.200.000		Cấm thi
23	20021125	Vũ Văn Hiệp	0		12.800.000			12.800.000	12.800.000		Cấm thi
24	20021174	Bùi Tá Phong	0		8.000.000			8.000.000	3.000.000		Cấm thi
25	20021250	Diệp Sơn Nam	4.776.000		5.400.000			5.400.000	10.176.000	Nợ K2/23-24	Cấm thi
26	20021279	Nguyễn Xuân Vũ	0		2.250.000			2.250.000	2.250.000		Cấm thi
27	20021296	Trần Đức Anh	0				2.400.000	2.400.000	2.400.000		Cấm thi
28	20021301	Nguyễn Quốc Bảo	0		5.600.000			5.600.000	5.600.000		Cấm thi

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25					Chưa nộp tính đến 27.5	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)	Đề nghị ngày 27/5
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	QĐ điều chỉnh ngày 12/5	Tổng			
29	20021335	Đặng Minh Đức	0		8.000.000			8.000.000	8.000.000		Cấm thi
30	20021408	Lê Thị Cẩm Nhung	0		9.300.000			9.300.000	9.300.000		Cấm thi
31	21020121	Nguyễn Minh Hiếu	0		3.150.000			3.150.000	3.150.000		Cấm thi
32	21020233	Hoàng Minh Quân	0		17.500.000			17.500.000	17.500.000		Cấm thi
33	21020244	Trần Hữu Thành	0		28.700.000			28.700.000	28.700.000		Cấm thi
34	21020281	Trần Tuấn Anh	0		1.350.000			1.350.000	1.350.000		Cấm thi
35	21020300	Nguyễn Trường Đạt	0		10.800.000			10.800.000	10.800.000		Cấm thi
36	21020443	Trần Đức Hưng	0		2.700.000			2.700.000	2.700.000		Cấm thi
37	21020488	Phạm Vũ Hải	0		8.100.000			8.100.000	8.100.000		Cấm thi
38	21020521	Nguyễn Việt Khánh	0		23.900.000			23.900.000	23.900.000		Cấm thi
39	21020688	Đỗ Huy	0		28.700.000			28.700.000	28.700.000		Cấm thi
40	21020733	Nguyễn Siêu Phong	0		17.500.000			17.500.000	2.500.000		Cấm thi
41	21020801	Hà Đức Anh	0		10.800.000		0	10.800.000	10.800.000		Cấm thi
42	21020810	Nguyễn Đức Duy	2.000.000		10.350.000			10.350.000	4.350.000	Nợ 1 phần K1/24-25	Cấm thi
43	21020816	Bùi Trần Duy Đông	0		9.900.000			9.900.000	1.900.000		Cấm thi
44	21020831	Đậu Mạnh Kiên	0		8.550.000		0	8.550.000	8.550.000		Cấm thi
45	21020854	Vũ Văn Toàn	8.756.000		6.300.000			6.300.000	8.756.000	Nợ kỳ 2/23-24	Cấm thi
46	21020902	Nguyễn Anh Đức	0		4.500.000			4.500.000	4.500.000		Cấm thi
47	21020943	Nguyễn Thị Thúy	0		9.900.000			9.900.000	9.900.000		Cấm thi
48	21021007	Nguyễn Văn Mạnh	0		4.050.000			4.050.000	4.050.000		Cấm thi
49	21021103	Trần Thành Long	0		5.400.000			5.400.000	5.400.000		Cấm thi
50	21021131	Lương Quang Trung	0		7.650.000			7.650.000	7.650.000		Cấm thi
51	21021177	Nguyễn Huy Hiển	0		11.700.000		2.700.000	14.400.000	4.400.000		Cấm thi
52	21021193	Khuất Quang Huy	0		10.350.000			10.350.000	10.350.000		Cấm thi
53	21021194	Nguyễn Anh Huy	0		7.650.000			7.650.000	7.650.000		Cấm thi
54	21021220	Nguyễn Tuấn Nhật	15.614.000		3.150.000			3.150.000	18.764.000	Nợ K1/24-25	Cấm thi
55	21021221	Đỗ Minh Phấn	0		12.600.000			12.600.000	12.600.000		Cấm thi
56	21021232	Nguyễn Thế Sơn	0		9.900.000		1.350.000	11.250.000	11.250.000		Cấm thi
57	21021250	Phạm Thanh Việt	0		6.750.000			6.750.000	6.750.000		Cấm thi
58	21021305	Nguyễn Tiến Hiếu	0		29.500.000			29.500.000	9.500.000		Cấm thi
59	21021360	Bùi Công Sơn	0		26.300.000		-3.200.000	23.100.000	23.100.000		Cấm thi
60	21021364	Trần Công Sơn	0		23.900.000			23.900.000	23.900.000		Cấm thi
61	21021383	Nguyễn Việt Tú	1.600.000		19.900.000			19.900.000	4.000.000	Nợ 1 phần K1/24-25	Cấm thi

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25					Chưa nộp tính đến 27.5	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)	Đề nghị ngày 27/5
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	QĐ điều chỉnh ngày 12/5	Tổng			
62	21021397	Dương Kỳ Anh	0		6.300.000			6.300.000	6.300.000		Cấm thi
63	21021447	Trần Anh Tú	0		7.650.000			7.650.000	7.650.000		Cấm thi
64	21021468	Nguyễn Khánh Duy	0		27.100.000			27.100.000	27.100.000		Cấm thi
65	21021486	Vũ Trường Giang	0		19.900.000			19.900.000	2.400.000		Cấm thi
66	21021503	Nguyễn Phan Hùng	0		31.100.000			31.100.000	31.100.000		Cấm thi
67	21021530	Lê Đức Quang	0		31.100.000			31.100.000	13.100.000		Cấm thi
68	21021547	Nguyễn Hữu Trọng	0		23.100.000			23.100.000	10.000.000		Cấm thi
69	21021558	Nguyễn Thế Anh	2.400.000		22.300.000			22.300.000	2.400.000	Nợ 1 phần K1/24-25	Cấm thi
70	21021579	Phạm Minh Hải	0		17.500.000			17.500.000	17.500.000		Cấm thi
71	21021586	Nguyễn Xương Hiếu	0		17.500.000			17.500.000	17.500.000		Cấm thi
72	21021626	Nguyễn Minh Phúc	0		28.700.000			28.700.000	28.700.000		Cấm thi
73	21021664	Lục Thành Lương	0		11.250.000			11.250.000	11.250.000		Cấm thi
74	22020103	Vũ Việt Hùng	1.780.000		12.240.000			12.240.000	9.520.000	Nợ 1 phần K1/24-25	Cấm thi
75	22020111	Nguyễn Anh Kiệt	0		13.515.000			13.515.000	13.515.000		Cấm thi
76	22021120	Nguyễn Văn Quang	6.120.000		9.945.000			9.945.000	16.065.000	GDQP	Cấm thi
77	22021541	Bùi Thiên Vương	0		11.475.000			11.475.000	11.475.000		Cấm thi
78	22022129	Vương Hoàng Quý	0		10.710.000			10.710.000	10.710.000		Cấm thi
79	22022194	Lê Doãn Tuân	0		11.475.000			11.475.000	11.475.000		Cấm thi
80	22022524	Phùng Đình Thuận	0		10.710.000	-765.000		9.945.000	9.945.000		Cấm thi
81	22022588	Ngô Xuân Mạnh	0		13.005.000	-765.000		12.240.000	12.240.000		Cấm thi
82	22022595	Nguyễn Văn Hải	0		2.295.000	-765.000		1.530.000	1.530.000		Cấm thi
83	22023149	Lương Thế Hoạt	24.585.000		2.295.000			2.295.000	26.880.000	Nợ K1/24-25 và GDQP	Cấm thi
84	22023175	Đặng Việt Bắc	-15.000		22.950.000			22.950.000	22.935.000		Cấm thi
85	22023182	Nguyễn Tuấn Dương	19.525.000		13.005.000			13.005.000	28.530.000	Nợ K1/24-25	Cấm thi
86	22023183	Lê Trường Giang	6.120.000		17.595.000			17.595.000	23.715.000	GDQP	Cấm thi
87	22023184	Lê Thế Vũ	0		16.065.000			16.065.000	3.825.000		Cấm thi
88	22023516	Nguyễn Thế Minh Tuấn	6.145.000		16.065.000			16.065.000	22.210.000	Nợ K1/24-25	Cấm thi
89	22024130	Trần Quang Vinh	6.175.000		11.475.000			11.475.000	6.100.000	Nợ 1 phần K1/24-25 và GDQP	Cấm thi
90	22024132	Phạm Tiến Vượng	-1.000.000		14.535.000			14.535.000	4.535.000		Cấm thi
91	22024145	Phan Hiểu Phong	0		13.005.000			13.005.000	13.005.000		Cấm thi
92	22024169	Đặng Bá Kiên	0		17.595.000			17.595.000	17.595.000		Cấm thi

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25					Chưa nộp tính đến 27.5	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)	Đề nghị ngày 27/5
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	QĐ điều chỉnh ngày 12/5	Tổng			
93	22024526	Ngô Mạnh Tiến	0		24.700.000			24.700.000	24.700.000		Cấm thi
94	22024539	Vũ Hải Long	0		19.900.000			19.900.000	19.900.000		Cấm thi
95	22024551	Hoàng Văn Lộc	0		20.700.000			20.700.000	20.700.000		Cấm thi
96	22024565	Lê Văn Hoàng Khang	0		28.700.000			28.700.000	11.200.000		Cấm thi
97	22025123	Bùi Tuấn Anh	5.072.000		12.680.000			12.680.000	17.752.000	GDQP	Cấm thi
98	22025132	Ngô Huy Hoàng	0		10.778.000			10.778.000	10.778.000		Cấm thi
99	22025153	Phạm Quang Anh	0		10.144.000			10.144.000	10.144.000		Cấm thi
100	22025155	Phạm Cao Minh	4.672.000		15.237.000			15.237.000	3.182.000	Nợ 1 phần GDQP	Cấm thi
101	22025171	Lê Văn Tùng	30.059.000		2.164.000			2.164.000	32.223.000	Nợ K1/24-25 và GDQP	Cấm thi
102	22025189	Vương Trung Kiên	0		11.412.000			11.412.000	11.412.000		Cấm thi
103	22025208	Hoàng Văn Ngọc	7.386.000		14.341.000		1.268.000	15.609.000	4.609.000	Nợ 1 phần K1/24-25 và GDQP	Cấm thi
104	22027105	Lê Đình Hùng	0		12.439.000	1.902.000		14.341.000	14.341.000		Cấm thi
105	22027129	Bùi Việt Anh	0		13.314.000	1.902.000		15.216.000	15.216.000		Cấm thi
106	22027178	Lê Quốc Đạt	0		6.885.000	1.902.000		8.787.000	8.787.000		Cấm thi
107	22027508	Phạm Đặng Quang Hải	0		16.830.000			16.830.000	16.830.000		Cấm thi
108	22027540	Nguyễn Kiều Đức Phú	0		14.535.000			14.535.000	14.535.000		Cấm thi
109	22027550	Trần Đình Cảnh	0		6.120.000			6.120.000	6.120.000		Cấm thi
110	22028012	Đỗ Trung Kiên	0		17.500.000			17.500.000	17.500.000		Cấm thi
111	22028015	Cao Đức Chung	0		19.100.000			19.100.000	1.600.000		Cấm thi
112	22028018	Nguyễn Việt Hùng	0		17.500.000			17.500.000	17.500.000		Cấm thi
113	22028177	Nguyễn Hải Nam	0		17.500.000			17.500.000	17.500.000		Cấm thi
114	22028220	Vũ Tuấn Kiệt	-20.000		21.500.000			21.500.000	21.480.000		Cấm thi
115	22028325	Nguyễn Trần Phương Hà	0		19.100.000			19.100.000	19.100.000		Cấm thi
116	22029021	Hoàng Tuấn Hưng	0		17.500.000			17.500.000	17.500.000		Cấm thi
117	22029036	Lê Hoài Nam	0		17.500.000			17.500.000	7.500.000		Cấm thi
118	22029062	Phùng Quốc Việt	0		19.100.000			19.100.000	19.100.000		Cấm thi
119	23020179	Đỗ Hải Anh	11.659.900		16.000.000			16.000.000	27.659.900	Nợ K1/24-25	Cấm thi
120	23020190	Nguyễn Quang Đại	0		16.000.000			16.000.000	16.000.000		Cấm thi
121	23020250	Lê Hữu Chiến	0		19.476.000			19.476.000	3.976.000		Cấm thi
122	23020391	Phạm Bảo Lăng	0		18.607.000			18.607.000	18.607.000		Cấm thi
123	23020435	Vũ Thanh Tùng	0		16.000.000			16.000.000	16.000.000		Cấm thi

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25					Chưa nộp tính đến 27.5	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)	Đề nghị ngày 27/5
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	QĐ điều chỉnh ngày 12/5	Tổng			
124	23020612	Nguyễn Quang Huy	0		22.152.000			22.152.000	2.152.000		Cấm thi
125	23020738	Phan Hoàng Đức	0		16.000.000			16.000.000	16.000.000		Cấm thi
126	23020739	Lê Minh Hải	0		20.345.000			20.345.000	4.345.000		Cấm thi
127	23020846	Nguyễn Trọng Nam	0		16.000.000			16.000.000	16.000.000		Cấm thi
128	23020942	Nguyễn Văn Khải	-884.520		16.000.000			16.000.000	15.115.480		Cấm thi
129	23021064	Đào Duy Bảo	0		22.952.000			22.952.000	6.952.000		Cấm thi
130	23021081	Khương Minh Chiến	6.808.000		17.738.000			17.738.000	24.546.000	Nợ HP GDQP n/h 23-24	Cấm thi
131	23021087	Nguyễn Lưu Anh Dũng	0		21.214.000			21.214.000	21.214.000		Cấm thi
132	23021105	Trần Hoàng Giang	0		17.738.000			17.738.000	4.500.000		Cấm thi
133	23021119	Lê Huy Hoàng	0		16.000.000			16.000.000	16.000.000		Cấm thi
134	23021135	Đỗ Nguyễn Quốc Khánh	0		16.000.000			16.000.000	16.000.000		Cấm thi
135	23021149	Hoàng Minh	13.702.300		16.000.000			16.000.000	29.702.300	Nợ K1/24-25	Cấm thi
136	23021156	Đào Văn Nam	0		16.000.000			16.000.000	10.000.000		Cấm thi
137	23021166	Nguyễn Trường Phước	53.450		20.345.000			20.345.000	20.398.450	Nợ lẻ	Cấm thi
138	23021167	Đặng Nhật Quang	0		17.738.000			17.738.000	17.738.000		Cấm thi
139	23021222	Hà Trí Cường	0		27.532.000			27.532.000	16.532.000		Cấm thi
140	23021244	Vũ Thái Đô	1.128.000		26.456.000			26.456.000	5.036.000	Nợ 1 phần K1/24-25	Cấm thi
141	23021284	Kiều Lan Hương	0		20.000.000			20.000.000	20.000.000		Cấm thi
142	23021292	Nguyễn Duy Khánh	0		28.608.000			28.608.000	28.608.000		Cấm thi
143	23021296	Phạm Văn Khánh	0		20.000.000			20.000.000	20.000.000		Cấm thi
144	23021303	Nguyễn Thành Lộc	0		20.000.000			20.000.000	20.000.000		Cấm thi
145	23021313	Vũ Thế Minh	0		22.152.000			22.152.000	7.152.000		Cấm thi
146	23021379	Nguyễn Văn Anh	0		19.476.000			19.476.000	2.976.000		Cấm thi
147	23021385	Bùi Mạnh Dũng	0		1.738.000			1.738.000	1.738.000		Cấm thi
148	23021392	Đỗ Lê Thái Dương	0		16.000.000			16.000.000	16.000.000		Cấm thi
149	23021425	Trần Trọng Nghĩa	0		16.000.000			16.000.000	16.000.000		Cấm thi
150	23021468	Nguyễn Thị Vân Anh	0		26.456.000			26.456.000	6.456.000		Cấm thi
151	23021592	Bùi Thế Kiệt	0		20.000.000			20.000.000	20.000.000		Cấm thi
152	23021604	Lê Thế Lâm	0		28.608.000			28.608.000	28.608.000		Cấm thi
153	23021766	Nguyễn Hoàng Anh	0		20.000.000			20.000.000	20.000.000		Cấm thi
154	23021786	Nguyễn Thành Duy	0		20.000.000			20.000.000	20.000.000		Cấm thi
155	23021912	Nguyễn Quang Tùng	0		20.000.000			20.000.000	20.000.000		Cấm thi
156	23021916	Vũ Văn Thái	0		27.532.000			27.532.000	27.532.000		Cấm thi

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25					Chưa nộp tính đến 27.5	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)	Đề nghị ngày 27/5
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	QĐ điều chỉnh ngày 12/5	Tổng			
157	23021941	Phoutthavong Xayavong	0		16.000.000			16.000.000	16.000.000		Cấm thi
158	24020295	Lê Xuân Sơn	0		20.000.000			20.000.000	20.000.000		Cấm thi
159	24020302	Phan Thế Tài	0		20.000.000			20.000.000	20.000.000		Cấm thi
160	24020377	Bùi Thế Anh	0		20.000.000			20.000.000	20.000.000		Cấm thi
161	24020433	Tô Vũ Phúc Đăng	0		24.304.000			24.304.000	24.304.000		Cấm thi
162	24020517	Vi Minh Huế	0		14.260.000			14.260.000	14.260.000		Cấm thi
163	24020552	Trần Văn Lâm	0		20.000.000			20.000.000	20.000.000		Cấm thi
164	24020816	Nguyễn Anh Tuấn	-954.350		20.000.000			20.000.000	19.045.650		Cấm thi
165	24020879	Trần Duy Long	-1.414.350		20.000.000			20.000.000	18.585.650		Cấm thi
166	24020967	Trần Trung Hiếu	5.000.000		20.000.000			20.000.000	25.000.000	Nợ K1/24-25	Cấm thi
167	24020976	Đào Mạnh Hùng	-1.414.350		20.000.000			20.000.000	18.585.650		Cấm thi
168	24021001	Nguyễn Thị Thùy Linh	0		20.000.000			20.000.000	20.000.000		Cấm thi
169	24021028	Vũ Hoàng Sơn	-1.414.350		20.000.000			20.000.000	18.585.650		Cấm thi
170	24021200	Nguyễn Đức Thảo	-270.000		16.000.000			16.000.000	15.730.000		Cấm thi
171	24021274	Đoàn Khắc Huân	0		20.000.000			20.000.000	20.000.000		Cấm thi
172	24021337	Trần Tuấn Tú	13.585.650		20.000.000			20.000.000	33.585.650	Nợ K1/24-25	Cấm thi
173	24021456	Ngô Thanh Hải	0		20.000.000			20.000.000	20.000.000		Cấm thi
174	24021587	Tạ Đình Nguyên	0		20.000.000			20.000.000	20.000.000		Cấm thi
175	24021749	Hoàng Anh Dũng	0		20.000.000			20.000.000	20.000.000		Cấm thi
176	24022021	Đỗ Hoàng Khắc Đoàn	-5.414.350		16.000.000			16.000.000	10.585.650		Cấm thi
177	24022063	Nguyễn Minh Tiến	-5.414.350		16.000.000			16.000.000	10.585.650		Cấm thi
178	24022497	Nguyễn Tuấn Anh	-4.350		15.900.000			15.900.000	4.895.650		Cấm thi
179	24022529	Nguyễn Minh Hiếu	-1.414.350		20.000.000			20.000.000	18.585.650		Cấm thi
180	24022550	Trần Đăng Khoa	-1.414.350		20.000.000			20.000.000	18.585.650		Cấm thi
181	24022559	Nguyễn Thanh Long	-1.414.350		20.000.000			20.000.000	18.585.650		Cấm thi
182	24022579	Phùng Thế Tài	-1.414.350		20.000.000			20.000.000	6.585.650		Cấm thi
183	24022835	Lê Minh Thông	0		20.000.000			20.000.000	20.000.000		Cấm thi
184	24022862	Vũ Thanh Dương	0		20.000.000			20.000.000	20.000.000		Cấm thi
185	24022936	Đỗ Văn Tùng Anh	0		16.000.000			16.000.000	16.000.000		Cấm thi
186	24022966	Nguyễn Anh Đức	0		16.000.000			16.000.000	16.000.000		Cấm thi